

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2022/DS-ST.

Ngày: 16-09-2022.

Về việc: “*Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Bà Quang Thị Ngà.  
2, Ông Tô Văn Ngọc.

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 05 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vương Xuân Tr, sinh năm 1960; Trú tại địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Văn phòng Luật sư ĐHT do ông Vũ Khắc H - Trưởng Văn phòng đại diện; Địa chỉ liên hệ: Số x, Tổ y, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (*Theo hợp đồng ủy quyền ngày 04/01/2022*).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959; Trú tại địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vương Thị H, sinh năm 1963 (*Là vợ ông Tr*); Nơi thường trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (*Đã chết 2018*).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H:* Ông Vương Xuân Tr, sinh năm 1960 (*Là chồng bà H*); Chị Vương Thị L, sinh năm 1985 và anh Vương Xuân Th, sinh năm 1987 (*Là các con ông Tr, bà H*); Cùng trú tại địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Chị Vương Thị Thùy D, sinh năm 1990 (*Là con ông Tr, bà H*); Trú tại địa chỉ: Đội 5, thôn BK, xã B, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên.

- *Có mặt:* Ông H, bà Th.

- *Vắng mặt:* Ông Tr, anh Th, chị L và chị D.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 01 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là ông Vương Xuân Tr và người đại diện theo ủy quyền của ông Tr là ông Vũ Khắc H trình bày:

Giữa ông Vương Xuân Tr và bà Nguyễn Thị Th ở cùng thôn M, xã Đ có quan hệ gia đình bên ngoại: Mẹ đẻ ông Tr là bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Th là chị em con chú, con bác ruột, ông Tr gọi bà Th là dì họ. Giữa ông Vương Ngọc T chồng bà Th và bà Vương Thị H vợ ông Tr là chú cháu họ trong nội tộc.

Năm 2011, biết gia đình ông Tr bán đất làm nhà vẫn còn tiền chưa sử dụng đến, bà Th có hỏi vay để làm vốn kinh doanh, buôn bán ông Tr, bà H đồng ý với thỏa thuận trả lãi 1000đ/1triệu/1ngày, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 08 tháng 07 năm 2011, cho bà Th vay 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

- Lần 2: Ngày 12 tháng 07 năm 2012, cho bà Th vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Khi vay và trả tiền gốc và lãi suất, bà Th đều tự tay ghi nội dung số tiền vay, trả lãi, trả gốc và còn nợ vào cuốn sổ tay cho vợ chồng ông Tr giữ làm tin.

Sau một thời gian vay trả lãi theo thỏa thuận, ngày 22 tháng 12 năm 2011, bà Th đã trả cho vợ chồng ông Tr được 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) tiền gốc, còn nợ lại 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc. Hai bên thỏa thuận trả lãi 9%/năm theo Ngân hàng nhà nước quy định.

Trong hai năm 2012 - 2013, do ông Tr đòi nợ nhiều lần, bà Th có trả được 03 lần tiền lãi, tổng cộng là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) và trả thông qua bà K là em ruột bà H được 05 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, cộng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng bà Th đã trả được cho vợ chồng ông Tr là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) tiền lãi.

Năm 2016, khi ông Tr đi trên đường làng gặp ông T chồng bà Th có nhắc việc trả tiền thì hai bên xảy ra xô xát, đánh nhau, Công an phải giải quyết.

Ngày 07 tháng 08 năm 2018, bà H chết, bà Th vẫn không trả tiền vay và có ý chây ì không trả nên ông phải khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Th trả cho ông số tiền gốc vay và lãi suất t theo thỏa thuận 9%/năm tính từ ngày 22 tháng 11 năm 2011 đến nay.

Tại các Biên bản ghi lời khai ngày 04 và 19 tháng 08 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà công nhận có vay vợ chồng ông Vương Xuân Tr, bà Vương Thị H 02 lần tiền tổng cộng là 540.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận như ông Tr trình bày trên.

Theo bà, sau khi trả cho vợ chồng ông Tr được 240.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 300.000.000 đồng tiền gốc nữa thì bà không trả được lãi nữa do điều kiện buôn bán, kinh doanh của bà bị thua lỗ, nên bà có thỏa thuận với vợ chồng ông Tr là cho bà trả dần tiền gốc, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Chính vì vậy, trong hai năm 2012-2013, bà mới trả cho vợ chồng ông Tr được số tiền là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng), còn nợ lại 268.000.000 đồng từ đó đến nay. Hiện nay, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bà lại đang bị bệnh hiểm nghèo,

không làm gì ra tiền phải sống phụ thuộc vào chồng con, nên bà xin trả dần khoản nợ trên cho ông Tr mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc mà không phải trả lãi.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Vương Thị H là: Chị Vương Thị L, anh Vương Xuân Th và chị Vương Thị Thùy D cùng có lời khai thống nhất với ông Tr về việc giải quyết khoản tiền cho vay đối với bà Th. Mọi việc liên quan đến giải quyết tranh chấp với bà Th tại Tòa án, các anh chị đồng ý để ông Tr đại diện và toàn quyền quyết định.

Tại phiên tòa, các đương sự trong vụ án vẫn giữ nguyên lời khai yêu cầu và quan điểm của mình về việc giải quyết tranh chấp giữa hai bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

- Đương sự trong vụ án đã chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các thông báo và quyết định tố tụng của Tòa án, đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Vương Xuân Tr vắng mặt nhưng đã có ông Vũ Khắc H đại diện tham gia; Chị Vương Thị L, anh Vương Xuân Th và chị Vương Thị Thùy D vắng mặt nhưng đều có đơn xin vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xác định yêu cầu đòi tiền cho vay của ông Vương Xuân Tr đối với bà Nguyễn Thị Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 116, 117, 118, 119, Điều 466, 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015; Điểm c Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Vương Xuân Tr, bà Vương Thị H (do ông Tr đại diện nhận) số tiền nợ cả gốc và lãi là 562.150.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Th thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- Nguyên đơn là ông Vương Xuân Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Th, ông Vương Ngọc T trả cho ông và bà Vương Thị H số tiền gốc vay ngày 12 tháng 07 năm 2011 là 300.000.000 đồng, tính lãi suất theo Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm từ ngày 22 tháng 12 năm 2011

đến nay. Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Bà Vương Thị H chết ngày 07 tháng 08 năm 2018, Tòa án xác định ông Tr, chị L, anh Th và chị D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H trong vụ án.

- Theo đơn khởi kiện của ông Tr có xác định ông Vương Ngọc T là bị đơn trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th khai xác định chỉ có bà đứng ra vay tiền của ông Tr, bà H để buôn bán, kinh doanh riêng, không liên quan đến ông T chồng bà. Việc ghi tên Th. T trong sổ nợ của ông Tr là để phân biệt với người khác trong làng trùng tên với bà nhưng khác tên chồng, ông Tr cũng nhất trí. Tòa án xác định ông Vương Ngọc T không phải là bị đơn trong vụ án và không dành quyền kháng cáo cho ông T là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, ông Vương Xuân Tr vắng mặt nhưng đã có ông Vũ Khắc H là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng; Chị Vương Thị L, anh Vương Xuân Th và chị Vương Thị Thủy D vắng mặt lần thứ nhất nhưng đều có đơn xin vắng mặt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều: 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử và dành quyền kháng cáo cho đương sự theo thủ tục chung.

## **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Giữa ông Vương Xuân Tr và bà Nguyễn Thị Th đều khai thống nhất việc bà Th có vay của vợ chồng ông Tr, bà H vay 02 lần tiền vào các ngày 08 và 12 tháng 07 năm 2011, tổng cộng là 540.000.000 đồng, có trả lãi theo thỏa thuận. Ngày 22 tháng 12 năm 2011, bà Th đã trả cho vợ chồng ông Tr được 240.000.000 đồng gốc vay, còn nợ lại 300.000.000 đồng tiền gốc, nhưng hai bên có tranh chấp về việc trả lãi và số nợ gốc chưa thanh toán cho nhau.

Tại cuốn sổ ghi nợ do ông Tr giao nộp tại Tòa án thể hiện:

“+ Ngày 8/7/2011, vay bác H. Tr = 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu).  
Chữ ký và tên Nguyễn Thị Th.

+ Trả lãi ngày 9/9/2011;

+ Ngày 6/11/2011: Đã trả bác Tr = 100.000.000đ (Một trăm triệu chẵn); Đã trả lãi đến 8/11/2011.

+ Ngày 6/12/2011: Đã trả = 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) còn nợ lại = 400.000.000đ (Bốn trăm triệu chẵn).

+ Ngày 22/12/2011: Trả Trọng = 100.000.000đ (Một trăm triệu chẵn). Tổng còn gốc = 300.000.000đ (Ba trăm triệu chẵn)”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th khai công nhận nội dung ghi vay tiền, trả lãi, trả gốc và còn nợ cùng chữ ký tên và dòng chữ Nguyễn Thị Th như trên là do chính tay bà viết và ký, cho thấy việc bà Th vay tiền của vợ chồng ông Tr, bà H là có thật. Tính đến ngày 22 tháng 11 năm 2011, bà Th còn nợ vợ chồng ông Tr, bà H 300.000.000 đồng tiền gốc.

Ông Tr xác định: Từ ngày 22 tháng 11 năm 2011, hai bên thỏa thuận để bà Th trả lãi vay theo Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm. Số tiền bà Th trả cho vợ chồng ông trong hai năm 2012-2013 được 32.000.000 đồng đều là tiền lãi nên vẫn bà còn nợ 300.000.000 đồng tiền gốc vay. Bà Th khai cho rằng: Từ tháng 12 năm 2011, bà không có khả năng trả nợ lãi nữa nên bà được vợ chồng ông Tr đồng ý không tính lãi mà cho trả dần tiền gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét thấy: Cuốn sổ ghi nợ chỉ thể hiện nội dung bà Th vay tiền của ông Tr, bà H có trả lãi nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất phải trả là bao nhiêu. Mức lãi suất ông Tr khai là 9%/năm nhưng không được bà Th không công nhận; Bà Th cũng không đưa ra được chứng cứ về việc vợ chồng ông Tr thỏa thuận không tính lãi. Do đó, lời khai của các bên đều không có cơ sở chấp nhận.

Khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”*

Tại điểm c Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm như sau:

*“c) Hợp đồng đang được thực hiện là hợp đồng mà các bên chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận và các quyền, nghĩa vụ khác phát sinh từ hợp đồng mà pháp luật có quy định.*

*...Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc áp dụng pháp luật để xác định lãi, lãi suất như sau:*

*- Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2006 đến trước ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005.*

*- Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015”.*

Đối chiếu với hướng dẫn nêu trên thì thấy : Thời gian từ ngày 22 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, được áp dụng Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 09%/năm; Thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến nay, lãi suất áp dụng được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là không được vượt quá 20%/năm của khoản vay ; Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ. Như vậy, việc ông Tr yêu cầu bà Th phải trả lãi trên nợ gốc với mức 09%/năm kể từ khi chậm trả đến nay là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Lãi suất bình quân 01 tháng tính được là 09%/năm : 12 tháng = 0,75%; Lãi suất bình quân ngày là 0,75%/tháng : 30 ngày = 0,025%.

Thời gian tính lãi của khoản tiền gốc vay bà Th phải trả cho vợ chồng ông Tr kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 16 tháng 09 năm 2022 là 10 năm 08 tháng 22 ngày (tức 130 tháng 22 ngày).

Khoản tiền lãi được tính như sau :  $(300.000.000đ \times 0,75\%/tháng) \times 130$  tháng +  $(300.000.000đ \times 0,025\%/ngày) \times 22$  ngày = 294.150.000 đồng. Trừ số tiền lãi bà Th đã trả cho ông Tr , bà H là 32.000.000 đồng, bà Th còn phải trả cho vợ chồng ông Tr số tiền nợ cả gốc và lãi là:  $300.000.000đ + (294.150.000đ - 32.000.000đ) = 562.150.000$  đồng.

[2.2]. Chị Vương Thị L , anh Vương Xuân Th, chị Vương Thị Thùy D có quan điểm của đề ông Tr đại diện nhận toàn bộ số tiền do bà Th trả là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Th phải nộp án phí tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho ông Tr và tính được là 25.226.000 đồng. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì, bà Th thuộc đối tượng người cao tuổi (63 tuổi) và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà được miễn nộp toàn bộ tiền án phí phải chịu.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát hoàn toàn phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

### ***Vì các lý do trên***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ:**

- Các Điều: 116, 117, 118, 119, 466, 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điểm c Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 3 Điều 26, Điều 220, Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

#### **Xử:**

1/ Chấp nhận Đơn khởi kiện đòi tiền cho vay của ông Vương Xuân Tr đối với bà Nguyễn Thị Th.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Vương Xuân Tr và bà Vương Thị H (Do ông Tr đại diện nhận) số tiền vay cả gốc và lãi suất theo giấy xác nhận nợ ngày 22 tháng 12 năm 2011 là 562.150.000đ (Năm trăm sáu mươi hai triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 26.486.000đ (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Th phải nộp cả, nhưng bà Th thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí phải chịu.

4. Về quyền kháng cáo:

4.1. Ông Vương Xuân Tr và bà Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4.2. Chị Vương Thị L , anh Vương Xuân Th và chị Vương Thị Thùy D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ về phần có liên quan.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm trả nợ đối với khoản tiền chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

6. Trường hợp Quyết định thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Ngọc Lân**

